

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG ĐẠO CONTAINER

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	08 - 9
4. Kết quả kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	11
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	12 - 44



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301411035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03 tháng 10 năm 2000; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 13 ngày 04 tháng 12 năm 2013.

Cổ phiếu công ty bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo Thông báo 685/TB-SGDHN ngày 31 tháng 5 năm 2017.

Mã chứng khoán : HDO
Vốn điều lệ : 149.598.790.000 đồng.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 62, đường Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : +84 (28)38403210
Fax : +84 (28)38980734

3. Ngành nghề hoạt động

- Bốc xếp, vận tải hàng hóa bằng container và sửa chữa thùng container;
- Đại lý ký gửi hàng hóa, đại lý giao nhận, vận tải hàng hóa trong và ngoài nước;
- Mua bán container và vật tư phụ tùng;
- Cho thuê kho bãi, cho thuê container;
- Sản xuất container khô và lạnh;
- Sửa chữa, mua bán xe cơ giới và phụ tùng, thiết bị vận tải và thiết bị chuyên dùng;
- Mua bán sắt thép, phế liệu, kim loại màu;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và nhớt;
- Sản xuất, mua bán và cho thuê rơ moóc và vật tư phụ tùng; Sản xuất, mua bán, sửa chữa, lắp đặt: máy lạnh, giàn lạnh, xe lạnh; Sản xuất, mua bán phụ tùng, vật tư giàn lạnh, máy lạnh, xe lạnh;
- Quảng cáo; Đại lý du lịch; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống.

312
CÔNG
CH NH
A TO
HU
5-7
314
CÔNG
CÔ
HUN
CON
TH

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Trần Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Dương Công Phùng	Phó Chủ tịch
Ông Phan Văn Hiếu	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Xuân Thảo	Thành viên
Bà Dương Thị Hà	Thành viên
Bà Dương Thị Hằng	Thành viên

4.2 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Huỳnh Thị Kim Ngân	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hồng Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Xuân	Thành viên

4.3 Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Dương Công Phùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hà	Kế toán trưởng

5. Đại diện pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là ông Dương Công Phùng- Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 44.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng quản trị hoặc Ban Điều hành có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017.

TM. Hội đồng Quản trị

TRẦN VĂN HÙNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 2348/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN HUNG ĐẠO CONTAINER**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2017 (từ trang 8 đến trang 44) bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

- Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, Công ty chưa đối chiếu đầy đủ khoản mục công nợ cụ thể như sau:

+ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.588.443.514 đồng;
+ Trả trước cho người bán ngắn hạn	654.293.211 đồng;
+ Các khoản phải thu ngắn hạn khác	147.210.831 đồng;
+ Phải trả người bán ngắn hạn	28.615.451.430 đồng;
+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.008.327.898 đồng;
+ Các khoản phải trả ngắn hạn khác	444.074.887 đồng;

Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể tiến hành các thủ tục soát xét thay thế khác nhằm đánh giá tính chính xác, hiện hữu của các khoản mục nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của khoản mục này đến Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ;

- Chúng tôi được bổ nhiệm soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của công ty sau ngày 31 tháng 12 năm 2016, và do đó chúng tôi đã không được chứng kiến việc kiểm kê thực tế hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính của công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016. Các thủ tục soát xét thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng thích hợp đối với số lượng các khoản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, số dư các khoản nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán tiếp theo của công ty, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh đối với số dư các khoản nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và khoản lỗ thuần sau thuế trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 như được trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ hay không;

- Tuy chúng tôi có tham gia chứng kiến kiểm kê nhưng với bằng chứng thu thập được không đủ cơ sở để đưa kết luận hợp lý về giá trị hàng tồn kho số tiền 80.750.515.009 đồng, tài sản cố định hữu hình với số tiền 52.035.960.408 đồng, tài sản cố định thuê tài chính với số tiền 17.946.521.302 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Bằng các thủ tục soát xét thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng thích hợp đối với số lượng, tính hiện hữu các khoản mục này tại thời điểm trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được giá trị hợp lý và ảnh hưởng của các khoản mục trên đối với báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017;

- Đồng thời, như trình bày tại thuyết minh số V.8, V.9 của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ công ty đã ghi nhận hàng hóa là container đã cho thuê nhưng không thu hồi được ở tài khoản tài sản thiếu chờ xử lý với số tiền 3.784.945.721 đồng và Công ty đã ghi nhận khoản lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ vào giá vốn hàng bán với số tiền 5.083.044.552 đồng, do vậy làm giảm giá trị hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 với số tiền 8.867.990.273 đồng. Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi không thể xác định được thời điểm phát sinh khoản hàng tồn kho thiếu, khoản dự phòng giảm giá này là trong các kỳ kế toán trước hay trong kỳ báo cáo hiện hành. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần điều chỉnh đối với báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 hay không;

- Như trình bày tại Thuyết minh số V.2 của bản thuyết minh báo cáo tài chính, giữa niên độ theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2017/HDCN ngày 06 tháng 3 năm 2017, Bà Phạm Thị Tuyết đồng ý chuyển nhượng cho Công ty 3.000.000 cổ phần thuộc sở hữu của Bà Tuyết tại Công ty Cổ phần Sài Gòn Chấn Phát với số tiền 60.000.000.000 đồng. Công ty dùng tiền mặt để thanh toán chuyển nhượng cổ phần nêu trên với số tiền 58.867.000.000 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể tiến hành các thủ tục soát xét thay thế khác nhằm đánh giá tính chính xác giao dịch nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của khoản mục này đến Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ;

- Đến thời điểm thời này, Công ty chỉ còn Chi nhánh tại Hà Nội chưa bị phong tỏa tài khoản, chưa bị thu hồi hóa đơn. Các Chi nhánh còn lại và văn phòng đều đã bị thu hồi hóa đơn theo Quyết định thi hành cưỡng chế của Chi cục thuế quận Bình Thạnh do tình trạng nợ đọng tiền thuế nhiều năm.

Từ chối đưa ra Kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận” như trên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận nào về Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số V.17 và VIII.6 của phần thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đang bị Chi cục thuế quận Bình Thạnh thi hành các quyết định cưỡng chế như sau: Phong tỏa tài khoản, thu hồi hóa đơn và đề nghị Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh rút giấy đăng ký kinh doanh của Công ty Hưng Đạo Container do tình trạng nợ đọng tiền thuế nhiều năm. Điều này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ được phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2016.

Và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã từ chối đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2017. Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến này: không chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định khác, công nợ không xác nhận cuối năm và phần nhấn mạnh về sự nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1523-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		168.199.526.343	246.467.313.417
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	242.604.735	8.575.538.290
111	1. Tiền		242.604.735	8.575.538.290
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		58.867.000.000	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2	58.867.000.000	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		30.160.245.218	151.992.326.617
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	2.651.263.515	137.343.811.557
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	3.059.763.230	4.353.824.073
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	1.700.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	21.337.699.600	13.071.632.618
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(2.373.426.848)	(2.776.941.631)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.8	3.784.945.721	-
140	IV. Hàng tồn kho		75.667.470.457	82.977.528.550
141	1. Hàng tồn kho	V.9	80.750.515.009	82.977.528.550
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.083.044.552)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.262.205.933	2.921.919.960
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	10.102.103
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.262.189.109	2.911.801.033
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17	16.824	16.824
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		34.435.559.946	39.297.336.347
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		32.217.032.319	38.758.875.187
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	18.887.035.707	23.159.587.466
222	- Nguyên giá		52.702.322.431	59.359.269.098
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.815.286.724)	(36.199.681.632)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	8.327.207.745	9.278.976.518
225	- Nguyên giá		17.946.521.302	17.946.521.302
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.619.313.557)	(8.667.544.784)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.12	5.002.788.867	6.320.311.203
228	- Nguyên giá		6.692.169.335	9.191.169.335
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.689.380.468)	(2.870.858.132)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.797.686.168	-
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	1.797.686.168	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		420.841.459	538.461.160
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	420.841.459	538.461.160
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		202.635.086.289	285.764.649.764

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		129.410.228.213	206.550.764.020
310	I. Nợ ngắn hạn		129.410.228.213	191.812.764.020
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	51.765.995.247	70.879.779.999
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	6.213.179.932	5.021.221.898
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	22.838.396.045	27.312.406.073
314	4. Phải trả người lao động		971.430.317	817.377.474
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		796.033.196	4.816.529
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	25.207.390.721	7.715.584.521
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19	20.354.878.262	78.798.653.033
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	1.262.924.493	1.262.924.493
330	II. Nợ dài hạn		-	14.738.000.000
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	2. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	14.738.000.000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		73.224.858.076	79.213.885.744
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	73.224.858.076	79.213.885.744
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		149.598.790.000	149.598.790.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		149.598.790.000	149.598.790.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.468.982.448	9.468.982.448
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		322.040.533	322.040.533
415	4. Cổ phiếu quỹ		(1.343.970.000)	(1.343.970.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		1.974.766.957	1.974.766.957
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(86.795.751.862)	(80.806.724.194)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(79.495.727.606)	(52.952.227.398)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(7.300.024.256)	(27.854.496.796)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		202.635.086.289	285.764.649.764

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ THU HÀ

TRẦN THỊ THU HÀ

ĐƯƠNG CÔNG PHÙNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	18.026.629.988	55.703.217.436
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.026.629.988	55.703.217.436
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	21.167.211.159	43.904.751.982
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(3.140.581.171)	11.798.465.454
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.029.827	10.222.627
22	7. Chi phí tài chính		6.425.500.171	5.169.268.249
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6.425.500.171	5.169.262.927
24	8. Chi phí bán hàng	VI.4	296.417.609	637.875.004
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	3.545.758.004	4.819.313.171
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.406.227.128)	1.182.231.657
31	11. Thu nhập khác	VI.6	7.848.562.560	456.288.882
32	12. Chi phí khác	VI.7	431.363.100	673.664.374
40	13. Lợi nhuận khác		7.417.199.460	(217.375.492)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(5.989.027.668)	964.856.165
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.989.027.668)	964.856.165
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	(404)	65
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	(404)	65

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017.

Người lập biểu



TRẦN THỊ THU HÀ

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ THU HÀ



Tổng Giám đốc

ĐƯƠNG CÔNG PHÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 Tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(5.989.027.668)	964.856.165
	2. Điều chỉnh các khoản		15.145.842.981	8.685.183.555
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.371.558.003	3.161.936.291
03	- Các khoản dự phòng		4.679.529.769	230.229.025
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(5.322)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		669.255.038	123.760.634
06	- Chi phí lãi vay		6.425.500.171	5.169.262.927
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.156.815.313	9.650.039.720
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		112.747.026.287	34.411.976.518
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.227.013.541	(6.296.010.690)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(2.250.977.703)	(28.257.885.662)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		127.721.804	259.771.271
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.634.283.504)	(5.169.262.927)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		116.373.315.738	4.598.628.230
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.797.686.168)	(169.467.273)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		9.138.181.819	855.135.231
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(58.867.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.029.827	1.330.143
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(51.524.474.522)	686.998.101
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		30.702.407.865	78.128.015.750
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(103.884.182.636)	(81.900.605.355)
35	5. Tiền trả nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(73.181.774.771)	(3.772.589.605)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(8.332.933.555)	1.513.036.726
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.575.538.290	4.327.163.962
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	5.322
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	242.604.735	5.840.206.010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017.

Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bốc xếp, vận tải hàng hóa bằng container và sửa chữa thùng container;
- Đại lý ký gửi hàng hóa, đại lý giao nhận, vận tải hàng hóa trong và ngoài nước;
- Mua bán container và vật tư phụ tùng;
- Cho thuê kho bãi, cho thuê container;
- Sản xuất container khô và lạnh;
- Sửa chữa, mua bán xe cơ giới và phụ tùng, thiết bị vận tải và thiết bị chuyên dùng;
- Mua bán sắt thép, phế liệu, kim loại màu;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và nhớt;
- Sản xuất, mua bán và cho thuê rơ moóc và vật tư phụ tùng; Sản xuất, mua bán, sửa chữa, lắp đặt: máy lạnh, giàn lạnh, xe lạnh; Sản xuất, mua bán phụ tùng, vật tư giàn lạnh, máy lạnh, xe lạnh;
- Quảng cáo; Đại lý du lịch; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc của doanh nghiệp

Danh sách chi nhánh và văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container tại Nha Trang (tạm ngừng hoạt động từ ngày 31 tháng 03 năm 2015)	Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container tại Đà Nẵng (tạm ngừng hoạt động từ 31 tháng 03 năm 2016)	Lô D, đường số 2, KCN Hòa Cẩm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần	Ấp Ngãi Thắng, xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương,

Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container

Địa chỉ: Số 62, đường Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Tên đơn vị	Địa chỉ
Hưng Đạo Container tại Bình Dương	Việt Nam
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container tại Hà Nội	Lô D8-6 KCN Hà Nội- Đại Từ, số 386 Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container tại Hải Phòng (tạm ngừng hoạt động từ 01 tháng 04 năm 2017)	Lô 26, Khu Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container tại quận 4 (ngừng hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015)	153 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
7. Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container	Phòng 304, số 48 Trần Hưng Đạo, phường Hàng Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có 110 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 129 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. **Hình thức kế toán áp dụng:** Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường

chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-35 năm
Máy móc, thiết bị	04-08 năm
Phương tiện vận tải	7 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05-08 năm
Tài sản khác	20 -50 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận tài sản thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản cố định khác	8-10

9. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong.
- Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn góp của chủ sở hữu: là số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu;

- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần;
- Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.
- Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của Kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của Kỳ trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty và theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

13. Nguyên tắc ghi nhận phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông. Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức nhulãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán Container

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê container

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong

kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá.

- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản thuế tiêu thụ đặc biệt.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, chi phí trực tiếp của khối lượng hàng hóa dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể

đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	132.419.849	8.245.292.414
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	110.184.886	330.245.876
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	242.604.735	8.575.538.290

2. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty cổ phần Sài Gòn Chấn Phát (*)	58.867.000.000	58.867.000.000	-	-	-	-
Cộng	58.867.000.000	58.867.000.000	-	-	-	-

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2017/HĐCN ngày 06 tháng 3 năm 2017, Bà Phạm Thị Tuyết đồng ý chuyển nhượng cho Công ty 3.000.000 cổ phần thuộc sở hữu của Bà Tuyết tại Công ty Cổ phần Sài Gòn Chấn Phát với số tiền 60.000.000.000 đồng. Công ty dùng tiền mặt để thanh toán chuyển nhượng cổ phần nêu trên.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	33.000.000	116.570.096.764
Công ty Cổ phần Sài Gòn Chấn Phát	10.000.000	88.666.981.466
Công ty TNHH DL&ĐT Quốc tế Tiên Hưng Đạo	23.000.000	27.903.115.298
Phải thu các khách hàng khác	2.618.263.515	20.773.714.793
Công ty VTB Container Vinalines (VCSC)	1.432.317.489	1.437.189.177
Công ty VTB Container Vinalines- CN Hải Phòng	513.265.660	513.265.660
Các khách hàng khác	672.680.366	18.823.259.956
Cộng	2.651.263.515	137.343.811.557

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	2.308.362.876	3.907.962.876
Công ty Cổ phần Sài Gòn Chấn Phát	2.308.362.876	3.408.362.876
Công ty TNHH DL&ĐT Quốc tế Tiên Hưng Đạo	-	499.600.000
Trả trước cho các khách hàng khác	751.400.354	445.861.197
Công ty TNHH Đại Thành	145.200.000	-
Các khách hàng khác	606.200.354	445.861.197
Cộng	3.059.763.230	4.353.824.073

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.700.000.000	-
Ông Tô Vinh Quang	900.000.000	-
Bà Vũ Thị Thanh Nga	800.000.000	-
Cộng	1.700.000.000	-

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	19.500.000.000	12.300.000.000
Phải thu tạm ứng Dương Thị Hà - Thành viên HĐQT	9.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu tạm ứng Dương Công Phùng - Tổng Giám đốc	5.500.000.000	2.300.000.000
Phải thu tạm ứng Trần Văn Hùng - Chủ tịch HĐQT	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Chấn Phát	-	8.000.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.837.699.600	771.632.618
Phải thu các khác hàng khác	1.837.699.600	771.632.618
Cộng	21.337.699.600	13.071.632.618

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	-	-	-	-
Quá hạn trên 03 năm	2.373.426.848	-	2.776.941.631	-
Công ty VTB Container Vinalines (VCSC)	1.943.947.657	-	1.945.583.149	-
Các khách hàng khác	429.479.191	-	831.358.482	-
Cộng	2.373.426.848	-	2.776.941.631	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Số đầu năm	2.776.941.631	2.546.712.606
Trích lập trong kỳ	280.154.699	230.229.025
Hoàn nhập trong kỳ	(1.635.492)	-
Xử lý nợ khó đòi	(682.033.990)	-
Số dư cuối kỳ	2.373.426.848	2.776.941.631

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho thiếu với số lượng 111 container cho Công ty Vận tải Biển Vinalines (VCSC) thuê bị mất. Đã có thông báo thụ lý vụ án số 349/2013/TB-TLVA ngày 21 tháng 3 năm 2013 và Thông báo giải quyết tiếp vụ án số 1869/2013/TB-TA ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

9. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	21.986.323.371	-	19.138.980.840	-
Công cụ, dụng cụ ⁽²⁾	40.696.945	-	40.036.945	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ⁽³⁾	1.006.418.171	-	319.010.296	-
Thành phẩm ⁽⁴⁾	26.321.834.716	-	27.820.427.876	-
Hàng hóa ⁽⁵⁾	31.395.241.806	(5.083.044.552)	35.659.072.593	-
Cộng	80.750.515.009	(5.083.044.552)	82.977.528.550	-

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu

Nguyên liệu chủ yếu là sắt, thép các loại.

⁽²⁾ Công cụ dụng cụ

Là máy mài các loại.

⁽³⁾ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Là container các loại.

⁽⁴⁾ Thành phẩm

Là container các loại.

⁽⁵⁾ Hàng hóa

Là container, sơ mi rơ mooc các loại.

Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container

Địa chỉ: Số 62, đường Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	23.056.905.857	14.568.708.739	10.425.766.564	31.210.200	11.276.677.738	59.359.269.098
Tăng trong kỳ	-	86.966.364	1.322.209.694	-	1.638.554.290	3.047.730.348
Điều chuyển từ chi nhánh	-	86.966.364	1.322.209.694	-	1.638.554.290	3.047.730.348
Giảm trong kỳ	(5.267.733.558)	(977.541.994)	(1.322.209.694)	-	(2.137.191.769)	(9.704.677.015)
Thanh lý, nhượng bán	(5.267.733.558)	(890.575.630)	-	-	(498.637.479)	(6.656.946.667)
Điều chuyển từ chi nhánh	-	(86.966.364)	(1.322.209.694)	-	(1.638.554.290)	(3.047.730.348)
Số cuối kỳ	17.789.172.299	13.678.133.109	10.425.766.564	31.210.200	10.778.040.259	52.702.322.431
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	12.322.703.914	13.380.663.367	8.772.948.330	31.210.200	1.692.155.821	36.199.681.632
Tăng trong kỳ	354.233.470	809.665.561	1.316.420.866	-	1.189.122.752	3.669.442.649
Khấu hao trong kỳ	354.233.470	338.080.686	314.988.319	-	1.189.122.752	2.196.425.227
Điều chuyển từ chi nhánh	-	471.584.875	1.001.432.547	-	-	1.473.017.422
Giảm trong kỳ	(3.587.810.017)	(1.362.160.505)	(1.001.432.547)	-	(102.434.488)	(6.053.837.557)
Thanh lý, nhượng bán	(3.587.810.017)	(890.575.630)	-	-	(102.434.488)	(4.580.820.135)
Điều chuyển từ các chi nhánh	-	(471.584.875)	(1.001.432.547)	-	-	(1.473.017.422)
Số cuối kỳ	9.089.127.367	12.828.168.423	9.087.936.649	31.210.200	2.778.844.085	33.815.286.724
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	10.734.201.943	1.188.045.372	1.652.818.234	-	9.584.521.917	23.159.587.466
Tại ngày cuối kỳ	8.700.044.932	849.964.686	1.337.829.915	-	7.999.196.174	18.887.035.707

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng với số tiền 18.897.334.272 đồng.
- Không có tài sản nào dùng để thế chấp đảm bảo vay.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

THÀNH
CÔNG
CỔ PHẦN
HƯNG ĐẠO
CONTAINER
HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG
17C

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.362.854.545	16.583.666.757	17.946.521.302
Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Số cuối kỳ	1.362.854.545	16.583.666.757	17.946.521.302
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	670.028.936	7.997.515.848	8.667.544.784
Khấu hao trong kỳ	68.146.783	883.621.990	951.768.773
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Số cuối kỳ	738.175.719	8.881.137.838	9.619.313.557
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	692.825.609	8.586.150.909	9.278.976.518
Số cuối kỳ	624.678.826	7.702.528.919	8.327.207.745

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	9.191.169.335	9.191.169.335
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	2.499.000.000	2.499.000.000
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>2.499.000.000</i>	<i>2.499.000.000</i>
Số cuối kỳ	6.692.169.335	6.692.169.335
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	2.870.858.132	2.870.858.132
Khấu hao trong kỳ	116.614.002	116.614.002
Giảm trong kỳ	1.298.091.666	1.298.091.666
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>1.298.091.666</i>	<i>1.298.091.666</i>
Số cuối kỳ	1.689.380.468	1.689.380.468
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	6.320.311.203	6.320.311.203
Số cuối kỳ	5.002.788.867	5.002.788.867

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng với số tiền 0 đồng.
- Toàn bộ Quyền sử dụng đất đã được thế chấp đảm bảo vay

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công trình xây dựng văn phòng tại Bình Dương	1.797.686.168	-
Cộng	1.797.686.168	-

14. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ thời gian phân bổ 36 tháng.

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Số đầu năm	538.461.160	934.900.127
Phát sinh trong kỳ	33.604.744	-
Phân bổ trong kỳ	(151.224.445)	(286.490.049)
Số cuối kỳ	420.841.459	648.410.078

15. Phải trả cho người bán

15a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	1.567.140.799	3.711.484.299
Công ty Cổ phần Sài Gòn Chấn Phát	1.557.240.799	3.701.584.299
Công ty TNHH DL & ĐT Quốc tế Tiên Hưng Đạo	9.900.000	9.900.000
Phải trả người bán khác	50.198.854.448	67.168.295.700
Công ty TNHH Hồng Phúc	19.541.133.220	19.541.133.220
Công ty Cổ phần SEATEQ	12.053.901.553	12.053.901.553
Các đối tượng khác	18.603.819.675	35.573.260.927
Cộng	51.765.995.247	70.879.779.999

15b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ quá hạn của các bên liên quan	-	-
Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác	45.176.627.462	45.176.627.462
Công ty TNHH Hồng Phúc	19.541.133.220	19.541.133.220
Công ty Cổ phần SAETEQ	12.053.901.553	12.053.901.553
Các nhà cung cấp khác	13.581.592.689	13.581.592.689
Cộng	45.176.627.462	45.176.627.462

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	1.853.893.534	30.141.500
Công ty Cổ phần Sài Gòn Chấn Phát	1.849.334.034	25.582.000
Công ty TNHH DL & ĐT Quốc tế Tiên Hưng Đạo	4.559.500	4.559.500
Trả trước của các khách hàng khác	4.359.286.398	4.991.080.398
Công ty TNHH Kukdong Logistics	2.311.837.098	4.218.837.098
Công ty TNHH Tân Hồng	1.000.000.000	-
Các khách hàng khác	1.047.449.300	772.243.300
Cộng	6.213.179.932	5.021.221.898

Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container
 Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17.378.438.456	-	1.465.947.116	(6.089.638.059)	12.754.747.513	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	10.169	34.662.150	(34.662.150)	-	10.169
Thuế xuất, nhập khẩu	-	6.655	-	-	-	6.655
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.170.695.060	-	-	-	4.170.695.060	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.070.172.868	-	26.109.220	(3.119.595)	1.093.162.493	-
Các loại thuế khác	4.693.099.689	-	142.604.547	(15.913.257)	4.819.790.979	-
Cộng	27.312.406.073	16.824	1.669.153.033	(6.143.333.061)	22.838.396.045	16.824

Hiện nay, Công ty đang bị Chi cục thuế quận Bình Thạnh thi hành các quyết định cưỡng chế như sau: Phòng tòa tài khoản, thu hồi hóa đơn và đề nghị Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh rút giấy đăng ký kinh doanh của Công ty Hưng Đạo Container do tình trạng nợ đọng tiền thuế nhiều năm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa và dịch vụ bán ra trong nước là 10%.

Thuế tiêu thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	25.207.390.721	7.715.584.521
Kinh phí công đoàn	491.501.115	497.024.846
Bảo hiểm xã hội	2.663.924.945	3.545.167.417
Bảo hiểm y tế	364.723.467	313.099.336
Bảo hiểm thất nghiệp	176.658.418	155.006.232
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.184.889.814	2.491.060.814
Nguyễn Văn Công ^(*)	16.000.000.000	-
Đặng Lê Thế Hiền ^(*)	4.000.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	325.692.962	714.225.876
Cộng	25.207.390.721	7.715.584.521

^(*) Là tiền nộp mua cổ phần tại công ty theo chương trình phát hành cổ phiếu riêng lẻ chưa có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán nhà nước và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	700.000.000	700.000.000	-	-
<i>Vay Bà Dương Thị Hằng⁽³⁾</i>	700.000.000	700.000.000	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	19.654.878.262	19.654.878.262	78.798.653.033	78.798.653.033
Vay ngắn hạn ngân hàng	19.654.878.262	19.654.878.262	78.798.653.033	78.798.653.033
<i>Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- CN Tân Tạo⁽¹⁾</i>	16.994.785.425	16.994.785.425	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- CN Long Biên⁽²⁾</i>	2.660.092.837	2.660.092.837	-	-
<i>Vay các ngân hàng khác</i>	-	-	78.798.653.033	78.798.653.033
Cộng	20.354.878.262	20.354.878.262	78.798.653.033	78.798.653.033



- (1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Tân Tạo theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số hạn mức số 1903-LAV-2016-000134/PL02 ngày 10 tháng 05 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 09 tháng.

Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của các cá nhân chi tiết như sau:

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 08 BDC xã Phước Long, số 05 khu phố 03, phường Phước Long A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh. Do ông Trần Văn Hùng và bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 07 Nam Hòa, khu phố 3, phường Phước Long A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh. Do ông Trần Văn Hùng và bà Dương Thị Hằng đứng tên sở hữu;
- Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai tại thửa đất 85-161, tờ bản đồ số: Duy nhất, tại: phường Phước Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh. Do ông Trần Văn Hùng và bà Dương Thị Hằng đứng tên sở hữu;
- Quyền sử dụng 9.946 m² đất bãi chứa container tại xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Quyền sử dụng 2.363 m² đất (966 m² đất màu và 1.397 m² đất lúa) thuộc thửa đất số 599c, 637, tờ bản đồ số 07, tại phố Quyết Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;
- Quyền sử dụng 457 m² đất vườn thuộc thửa đất số 559a4, tờ bản đồ số 07, tại: khu phố Quyết Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;
- Quyền sử dụng 2.781 m² đất trồng cây lâu năm, đất lúa thuộc thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 07, tại: khu phố Quyết Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;
- Quyền sử dụng 8.385 m² đất "LN" thuộc thửa đất số 556, 557, 558, 563, 564 tờ bản đồ số 07, tại: khu phố Quyết Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;
- Quyền sử dụng 2.295,25 m² đất thổ cư, đất sản xuất nông nghiệp tại: khu phố Quyết Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;
- Quyền sử dụng 2.220,52 m² đất thổ cư, đất sản xuất nông nghiệp tại: phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;
- Quyền sử dụng đất số BO 915520 do UBND quận Bình Thạnh cấp 16 tháng 05 năm 2013 và tài sản gắn liền với đất tại 62 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp.HCM do bà Nguyễn Thị Hoàng là chủ sở hữu);

- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 146/2017/HĐTD ngày 14 tháng 06 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được tính trên dư nợ gốc giảm dần và quy định cụ thể tại các Giấy nhận nợ, thời hạn vay 08 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền với đất Lô D8-2, Lô D8-6, khu công nghiệp Hà Nội, Đài Tư, số 386, đường Nguyễn Văn Linh, quận Long Biên, Hà Nội (xem thuyết minh số V.11);

- (3) Là khoản vay của Bà Dương Thị Hằng – em gái của Tổng Giám đốc thời hạn vay 12 tháng với lãi suất 6%/ năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn, dài hạn trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Số đầu năm	93.536.653.033	95.891.397.542
Số tiền vay phát sinh	307.02.407.865	78.128.015.750
Số tiền vay đã trả	(103.884.182.636)	(81.900.605.355)
Số cuối kỳ	20.354.878.262	92.118.807.937

20. **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng	590.943.213	-	-	-	590.943.213
- Quỹ phúc lợi	671.981.280	-	-	-	671.981.280
Cộng	1.262.924.493	-	-	-	1.262.924.493

Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container

Địa chỉ: Số 62, đường Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.598.790.000	9.468.982.448	322.040.533	322.040.533	(1.343.970.000)	1.974.766.957	(45.550.202.930)	114.470.407.008
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(35.256.521.264)	(35.256.521.264)
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	149.598.790.000	9.468.982.448	322.040.533	322.040.533	(1.343.970.000)	1.974.766.957	(80.806.724.194)	79.213.885.744
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(5.989.027.668)	(5.989.027.668)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	149.598.790.000	9.468.982.448	322.040.533	322.040.533	(1.343.970.000)	1.974.766.957	(86.795.751.862)	73.224.858.076

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

175
T
H
A
T
IV
H
O
C
C
C
H
U
C
O
T
H
A

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết nguồn vốn	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trần Văn Hùng	14,34%	24.316.080.000	24.316.080.000
- Dương Thị Hằng	6,80%	11.534.000.000	11.534.000.000
- Dương Công Phùng	1,68%	2.853.190.000	2.853.190.000
- Nguyễn Thị Hằng	1,21%	2.060.000.000	2.060.000.000
- Vốn cổ đông khác	75,97%	108.835.520.000	108.835.520.000
Cộng	100,00%	149.598.790.000	149.598.790.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Vốn theo Giá trị CNĐKKD	Vốn đã góp	Vốn còn phải góp
- Trần Văn Hùng	24.316.080.000	24.316.080.000	-
- Dương Thị Hằng	11.534.000.000	11.534.000.000	-
- Dương Công Phùng	2.853.190.000	2.853.190.000	-
- Nguyễn Thị Hằng	2.060.000.000	2.060.000.000	-
- Vốn cổ đông khác	108.835.520.000	108.835.520.000	-
Cộng	149.598.790.000	149.598.790.000	-

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	149.598.790.000	149.598.790.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	149.598.790.000	149.598.790.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21d. Cổ tức

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

21e. Cổ phiếu

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.959.879	14.959.879
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.959.879	14.959.879
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	14.959.879	14.959.879
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.959.879	14.959.879
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(140.000)	(140.000)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.819.879	14.819.879
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.819.879	14.819.879
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

- Số đầu năm	-	-
- Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ	864.484.015	-
Số cuối kỳ	864.484.015	-

Chi tiết đối tượng:

- Công ty TNHH AAA Internation	364.900.050	-
- Công ty TNHH Tiếp vận Nhật Linh	300.300.000	-
- Các khách hàng khác	199.283.965	-
Cộng	864.484.015	-

Các khoản Công nợ phải thu lâu năm không có khả năng thu hồi được Công ty xóa nợ theo Quyết định xóa nợ số 01/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu thuần

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Doanh thu bán hàng	16.401.395.217	50.075.032.824
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.625.234.771	5.628.184.612
Cộng	<u>18.026.629.988</u>	<u>55.703.217.436</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Công ty Cổ phần Sài Gòn Chấn Phát	3.393.300.000	-

2. Giá vốn hàng bán

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
- Giá vốn bán hàng	14.261.009.394	39.907.717.335
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.823.157.213	3.997.034.647
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.083.044.552	-
Cộng	<u>21.167.211.159</u>	<u>43.904.751.982</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn.

4. Chi phí bán hàng

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	254.493.501	378.773.734
- Chi phí công cụ dụng cụ	-	14.522.225
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	87.248.224
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.042.972	113.936.590
- Chi phí bằng tiền khác	30.881.136	43.394.231
Cộng	<u>296.417.609</u>	<u>637.875.004</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Chi phí nhân viên quản lý	2.607.598.573	3.231.411.245
- Chi phí vật liệu quản lý	-	24.927.365
- Chi phí công cụ, dụng cụ	37.768.055	95.412.523
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.886.648	373.271.949
- Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	261.446.995
- Dự phòng phải thu khó đòi	278.519.207	230.229.025
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.002.728	461.979.187
- Các chi phí khác	396.982.793	140.634.882
Cộng	3.545.758.004	4.819.313.171

6. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Tiền chuyển nhượng Quyền sử dụng đất	6.210.077.216	-
- Thanh lý tài sản, công cụ, bán phế liệu	1.638.485.344	456.288.882
Cộng	7.848.562.560	456.288.882

7. Chi phí khác

Là chi phí phạt chậm nộp hành chính

8. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.989.027.668)	964.856.165
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	431.363.100	251.383.955
- Các khoản điều chỉnh tăng	431.363.100	251.389.277
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(5.322)
Thu nhập chịu thuế	(5.557.664.568)	1.216.240.120
Kết chuyển lỗ	-	(1.216.240.120)
Thu nhập tính thuế	(5.557.664.568)	-
Thu nhập chịu thuế suất Thuế TNDN	20%	20%
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đồng công ty	(5.989.027.668)	964.856.165
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.989.027.668)	964.856.165
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	14.819.879	14.819.879
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(404)	65

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.819.879	14.819.879
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	14.819.879	14.819.879

9b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.989.027.668)	964.856.165
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(5.989.027.668)	964.856.165
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.819.879	14.819.879
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(404)	65

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.819.879	14.819.879
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cổ phiếu)	14.819.879	14.819.879

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Chi phí vật liệu quản lý	765.351.935	37.921.367.015
- Chi phí nhân công	5.243.200.001	6.234.604.008
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.371.558.003	3.161.936.291
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.029.941.488	2.196.151.886
- Chi phí khác	1.301.488.086	967.013.174
Cộng	12.711.539.513	50.481.072.374

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT:VNĐ)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. Thu tiền từ đi vay

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	30.702.407.865	78.128.015.750
Cộng	30.702.407.865	78.128.015.750

4. Trả tiền nợ gốc vay

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	103.884.182.636	81.900.605.355
Cộng	103.884.182.636	81.900.605.355

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VNĐ)

1. Tài sản tiềm tàng

Khoản hàng tồn kho thiếu với số lượng 111 container cho Công ty Vận tải Biển Vinalines (VCSC) thuê bị mất. Đã có thông báo thụ lý vụ án số 349/2013/TB-TLVA ngày 21 tháng 3 năm 2013 và Thông báo giải quyết tiếp vụ án số 1869/2013/TB-TA ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa nhưng đến thời điểm này chưa có bản án có hiệu lực của Toà.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
- Tiền lương, thù lao	1.030.307.501	247.470.033
- Tiền thưởng	-	73.691.963
- Cổ tức	-	-
Cộng	<u>1.030.307.501</u>	<u>321.161.996</u>

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sài Gòn Chấn Phát	Công ty con (tỷ lệ vốn góp 67,34%)
Công ty TNHH DL & ĐT Quốc tế Tiên Hưng Đạo	Liên quan Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trần Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Dương Công Phùng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Dương Thị Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị
Dương Thị Hằng	E ruột của Dương Công Phùng

Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container

Địa chỉ: Số 62, đường Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3c. Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Sài Gòn Chấn Phát

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
- Bán hàng hóa, dịch vụ	5.613.429.249	20.293.674.400
- Mua hàng hóa, dịch vụ	29.600.000.000	27.320.173.000
- Chứng khoán kinh doanh	58.867.000.000	-
- Mượn tiền	5.000.000	6.000.000.000

Công ty TNHH DL & ĐT Quốc tế Tiên Hưng Đạo

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
- Bán hàng hóa, dịch vụ	437.000.000	1.496.000.000
- Mua hàng hóa, dịch vụ	499.600.000	499.350.000

Ông Trần Văn Hùng

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
- Tạm ứng	5.000.000.000	-

Ông Dương Công Phùng

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
- Tạm ứng	5.500.000.000	-

Bà Dương Thị Hà

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
- Tạm ứng	9.000.000.000	-

Bà Dương Thị Hằng

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Cho vay	700.000.000	-



Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container

Địa chỉ: Số 62, đường Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3d. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Sài Gòn Chấn Phát

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.000.000	88.666.981.466
- Trả trước người bán ngắn hạn	2.308.362.876	3.408.362.876
- Phải thu ngắn hạn khác	-	8.000.000.000
- Phải trả người bán ngắn hạn	1.557.240.799	3.701.584.299
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.849.334.034	25.582.000
- Chứng khoán kinh doanh	58.867.000.000	-

Công ty TNHH DL & ĐT Quốc tế Tiên Hưng Đạo

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23.000.000	27.903.115.298
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.559.500	4.559.500
- Phải trả người bán ngắn hạn	9.900.000	9.900.000
- Trả trước người bán ngắn hạn	-	499.600.000

Ông Trần Văn Hùng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	5.000.000.000	-

Ông Dương Công Phùng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	5.500.000.000	2.300.000.000

Bà Dương Thị Hà

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	9.000.000.000	2.000.000.000

Bà Dương Thị Hằng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cho vay	700.000.000	-

4. Báo cáo bộ phận

4a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Thương mại	Dịch vụ	Cộng
6 tháng đầu năm 2017			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.401.395.217	1.625.234.771	18.026.629.988
Giá vốn hàng bán	19.344.053.946	1.823.157.213	21.167.211.159
Lãi gộp	(2.942.658.729)	(197.922.442)	(3.140.581.171)
6 tháng đầu năm 2016			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.075.032.824	5.628.184.612	55.703.217.436
Giá vốn hàng bán	39.907.717.335	3.997.034.647	43.904.751.982
Lãi gộp	10.167.315.489	1.631.149.965	11.798.465.454

4b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay gồm:

- Công ty đã thế chấp các tài sản để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tân Tạo là :

- + Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 08 BDC xã Phước Long, số 05 khu phố 03, phường Phước Long A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh. Do ông Trần Văn Hùng và bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;
- + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 07 Nam Hòa, khu phố 3, phường Phước Long A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh. Do ông Trần Văn Hùng và bà Dương Thị Hằng đứng tên sở hữu;
- + Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai tại thửa đất 85-161, tờ bản đồ số: Duy nhất, tại: phường Phước Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh. Do ông Trần Văn Hùng và bà Dương Thị Hằng đứng tên sở hữu;
- + Quyền sử dụng 9.946 m² đất bãi chứa container tại xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- + Quyền sử dụng 2.363 m² đất (966 m² đất màu và 1.397 m² đất lúa) thuộc thửa đất số 599c, 637, tờ bản đồ số 07, tại phố Quyết Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;
- + Quyền sử dụng 457 m² đất vườn thuộc thửa đất số 559a4, tờ bản đồ số 07, tại: khu phố Quyết Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;
- + Quyền sử dụng 2.781 m² đất trồng cây lâu năm, đất lúa thuộc thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 07, tại: khu phố Quyết Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;



- + Quyền sử dụng 8.385 m² đất “LN” thuộc thửa đất số 556, 557, 558, 563, 564 tờ bản đồ số 07, tại: khu phố Quyết Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;
 - + Quyền sử dụng 2.295,25 m² đất thổ cư, đất sản xuất nông nghiệp tại: khu phố Quyết Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;
 - + Quyền sử dụng 2.220,52 m² đất thổ cư, đất sản xuất nông nghiệp tại: phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do bà Dương Thị Hằng đứng tên chủ sở hữu;
 - + Quyền sử dụng đất số BO 915520 do UBND quận Bình Thạnh cấp 16 tháng 05 năm 2013 và tài sản gắn liền với đất tại 62 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp.HCM do bà Nguyễn Thị Hoàng là chủ sở hữu);
- Công ty đã thế chấp các tài sản để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên là : Quyền sử dụng đất Lô D8-2, Lô D8-6, khu công nghiệp Hà Nội, Đài Tư, số 386, đường Nguyễn Văn Linh, quận Long Biên, Hà Nội (xem thuyết minh số V.19);
- Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản cầm cố này.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Như trình bày tại thuyết minh số V.17- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Công ty đang bị Chi cục thuế quận Bình Thạnh thi hành các quyết định cưỡng chế như sau: Phong tỏa tài khoản, thu hồi hóa đơn và đề nghị Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh rút giấy đăng ký kinh doanh của Công ty Hưng Đạo Container do tình trạng nợ đọng tiền thuế nhiều năm. Điều này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2017.

Người lập biểu

TRẦN THỊ THU HÀ

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ THU HÀ

Tổng Giám đốc



DƯƠNG CÔNG PHÙNG

